

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI XÃ NHỮ KHÊ, HUYỆN YÊN SƠN
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SNN ngày tháng năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện	Kết quả thẩm định của Sở, Ban, ngành
1	Tiêu chí số 1 Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã (1) được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021-2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố, công khai đúng thời hạn	Đạt	Quyết định số 110/QĐ-UBND, ngày 15/4/2024 của huyện Yên Sơn có Quyết định phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Đới Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang đến năm 2035	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Quyết định số 110/QĐ-UBND, ngày 15/4/2024 của huyện Yên Sơn có Quyết định phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Đới Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang đến năm 2035	Đạt	Đạt
2	Tiêu chí số 2 Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hoá hoặc bê tông hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	12,6/12,6 km đạt 100%	12,6/12,6 km đạt 100%	12,6/12,6 km đạt 100%
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	≥ 80%	Thực hiện bê tông hóa 10,5/10,5 km, đạt 100%	Thực hiện bê tông hóa 10,5/10,5 km, đạt 100%	13,40/14,80 km, đạt 90,54%
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100% (≥ 70% được cứng hoá)	13,18/15,16 km đạt 86,94%	13,18/15,16 km đạt 86,94%	13,18/15,16 km đạt 86,94%
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hoá thuận tiện quanh năm	≥ 65% được cứng hoá	8,97/11,64 km đạt 77,06%	8,97/11,64 km đạt 77,06%	8,97/11,64 km đạt 77,1%
3	Tiêu chí số 3 Thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất trồng lúa 2 vụ được tưới chủ động	≥ 80%	Diện tích đất trồng lúa 2 vụ được tưới chủ động 279,44/281,8 ha đạt 99,16%	Diện tích đất trồng lúa 2 vụ được tưới chủ động 279,44/281,8 ha đạt 99,16%	99,18% Đạt
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
4	Tiêu chí số 4 Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥ 95%	Đạt 1.422/1.422 hộ, đạt 100%	Đạt 1.422/1.422 hộ, đạt 100%	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện	Kết quả thẩm định của Sở, Ban, ngành
5	Tiêu chí số 5 Trường học	Tỷ lệ số trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định		3/3 đạt 100%	3/3 đạt 100%	Đạt
		a) Các xã có hơn 3 trường	100% đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó $\geq 70\%$ đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1	2/3 đạt 67%	2/3 đạt 67%	Đạt
		b) Các xã có từ 3 trường trở xuống	100% đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó $\geq 50\%$ đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1	Trên địa bàn xã Nhữ Khê có 03 trường học (Mầm non Nhữ Khê, Tiểu học Nhữ Khê, THCS Nhữ Khê), hiện tại có 03/03 trường đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học ở mức độ 1	Trên địa bàn xã Nhữ Khê có 03 trường học (Mầm non Nhữ Khê, Tiểu học Nhữ Khê, THCS Nhữ Khê), hiện tại có 03/03 trường đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học ở mức độ 1	Đạt
6	Tiêu chí số 6 Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Xã có nhà văn hoá hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hoá, thể thao của toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hoá hoặc nơi sinh hoạt văn hoá, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	15/15 nhà, đạt 100%	15/15 nhà, đạt 100%	Đạt
7	Tiêu chí số 7 Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Đáp ứng theo thứ tự ưu tiên các nội dung đánh giá sau (2):		Đạt	Đạt	Đạt
		7.1. Có chợ nông thôn trong quy hoạch, kế hoạch phát triển và đạt chuẩn theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		7.2. Có siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng tổng hợp đạt chuẩn theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính là xã có ít nhất một điểm phục vụ bưu chính đáp ứng được các điều kiện sau:	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện	Kết quả thẩm định của Sở, Ban, ngành
8	Tiêu chí số 8 Thông tin và Truyền thôn	a) Về cơ sở vật chất: - Có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương. - Có treo biển tên điểm phục vụ. - Niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ. - Thời gian mở cửa phục vụ phải đảm bảo tối thiểu 4 giờ/ngày làm việc.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		b) Về dịch vụ: Tại điểm phục vụ, đảm bảo cung cấp các dịch vụ: - Dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02 kg. - Dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05 kg.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, Internet là xã đáp ứng được các điều kiện sau:				
		a) Tất cả các thôn, bản trên địa bàn xã có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ điện thoại: trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập Internet: trên mạng băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng băng rộng di động mặt đất.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		b) Dịch vụ viễn thông, Internet trên địa bàn xã phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn, bản là xã đáp ứng được các điều kiện sau:	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		a) Xã có đài truyền thanh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		b) Có ít nhất 2/3 số thôn, bản trong xã có hệ thống loa hoạt động		Số thôn trong xã có hệ thống loa hoạt động 15/15 thôn, đạt 100%	Số thôn trong xã có hệ thống loa hoạt động 15/15 thôn, đạt 100%	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành là xã đáp ứng đủ các điều kiện sau:	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		a) Tỷ lệ máy vi tính/số cán bộ, công chức của xã đạt tối thiểu 50%		Đạt	Đạt	89,47% Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện	Kết quả thẩm định của Sở, Ban, ngành
	Tiêu chí số 8 Thông tin và Truyền thôn	b) Xã có sử dụng ít nhất 04 phần mềm ứng dụng sau: - Hệ thống quản lý văn bản và điều hành. - Hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước. - Hệ thống một cửa điện tử. - cổng/trang thông tin điện tử có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.			Đạt	Đạt	Đạt
		c) Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu 30%.			Tổng số 335/335 hồ sơ, đạt 100%.	Tổng số 335/335 hồ sơ, đạt 100%.	Đạt
9	Tiêu chí số 9 Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát		Không	Không	Không	Đạt
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố		≥ 75%	Số hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố 1.422/1.422 nhà, đạt 100%, trong đó nhà ở đạt chuẩn 1.345 nhà, đạt 94,59%.	Số hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố 1.422/1.422 nhà, đạt 100%, trong đó nhà ở đạt chuẩn 1.345 nhà, đạt 94,59%.	Đạt
10	Tiêu chí số 10 Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2022	≥ 39	Thu nhập đạt 39,12 triệu đồng người/năm	Thu nhập đạt 39,12 triệu đồng người/năm	Đạt (47,37 triệu đồng/người/năm)
11	Tiêu chí số 11 Nghèo đa chiều	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025		13%	Hộ nghèo là 151/1422 hộ, đạt 10,62%. Hộ cận nghèo là 26/1422 hộ, đạt 1,83%. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo đa chiều 12,45%.	Hộ nghèo là 151/1422 hộ, đạt 10,62%. Hộ cận nghèo là 26/1422 hộ, đạt 1,83%. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo đa chiều 12,45%.	Đạt
12	Tiêu chí số 12 Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng cho cả nam và nữ)		≥ 70%	Lao động qua đào tạo 2.318/3.088 lao động, đạt 75,06%	Lao động qua đào tạo 2.318/3.088 lao động, đạt 75,06%	Đạt
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng cho cả nam và nữ)		≥ 20%	Lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ 693/3.088 người đạt 22,44%	Lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ 693/3.088 người đạt 22,44%	Đạt
		13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã		Đạt	Toàn xã hiện có 04 HTX hoạt động đảm bảo theo Luật HTX năm 2012 (<i>HTX Mật ong Tân Long, HTX Dịch vụ SXNN Hồng Ngọc, HTX Dịch vụ SXNN Sơn Ngán</i>)	Toàn xã hiện có 04 HTX hoạt động đảm bảo theo Luật HTX năm 2012 (<i>HTX Mật ong Tân Long, HTX Dịch vụ SXNN Hồng Ngọc, HTX Dịch vụ SXNN Sơn Ngán</i>)	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện	Kết quả thẩm định của Sở, Ban, ngành
13	Tiêu chí số 13 Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Xã có 04 mô hình mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững (02 mô hình trồng cây ăn quả, 01 mô hình nuôi ong lấy mật)	Xã có 04 mô hình mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững (02 mô hình trồng cây ăn quả, 01 mô hình nuôi ong lấy mật)	Đạt
		13.3. Có vùng sản xuất nông sản chủ lực của xã được chứng nhận VietGap hoặc tương đương trở lên gắn với truy xuất nguồn gốc	≥ 1	Có 02 vùng sản xuất nông sản chủ lực của xã được chứng nhận VietGap hoặc tương đương trở lên gắn với truy xuất nguồn gốc (01 mô VietGap cây ăn quả; 01 mô hình bưởi gắn với truy xuất nguồn gốc)	Có 02 vùng sản xuất nông sản chủ lực của xã được chứng nhận VietGap hoặc tương đương trở lên gắn với truy xuất nguồn gốc (01 mô VietGap cây ăn quả; 01 mô hình bưởi gắn với truy xuất nguồn gốc)	Đạt
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt	Không có	Không có	Đạt
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Đạt	Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 về việc kiện toàn tổ khuyến nông cộng đồng xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn	Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 về việc kiện toàn tổ khuyến nông cộng đồng xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn	Đạt
14	Tiêu chí số 14 Giáo dục	14.1.				
		Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	93/93 trẻ đạt 100%	93/93 trẻ đạt 100%	Đạt
		Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	$\geq 98\%$	103/103 đạt 100%	103/103 đạt 100%	Đạt
		Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		Đạt chuẩn xoá mù chữ mức độ 2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại	Khá	Tốt	Tốt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	$\geq 70\%$	251/288 đạt 87,15%	251/288 đạt 87,15%	(98%) Đạt
15	Tiêu chí số 15 Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	5.088/5.641, đạt 90,2%	5.088/5.641, đạt 90,2%	Đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 24\%$	74/391 trẻ, đạt 18,93%	74/391 trẻ, đạt 18,93%	(19,93) % Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện	Kết quả thẩm định của Sở, Ban, ngành
		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử		≥ 50%	720/1.422 người đạt 50,63%	720/1.422 người đạt 50,63%	Không đánh giá
16	Tiêu chí số 16 Văn hoá	Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới		≥ 80%	Số thôn đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định 15/15, đạt 100%	Số thôn đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định 15/15, đạt 100%	Đạt
17		17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Xã không thuộc khu vực III	≥ 30% (≥ 10% từ hệ thống cấp nước tập trung)	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh 1.418/1.422 hộ, đạt 99,72%; Số hộ sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn quốc gia 724/1.422 hộ, đạt 50,91%; số hộ có nhu cầu sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước sạch tập trung là 637/1.422 hộ đạt 44,8%	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh 1.418/1.422 hộ, đạt 99,72%; Số hộ sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn quốc gia 724/1.422 hộ, đạt 50,91%; số hộ có nhu cầu sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước sạch tập trung là 637/1.422 hộ đạt 44,8%	Đạt
			Xã thuộc khu vực III	≥ 20% (≥ 10% từ hệ thống cấp nước tập trung)			
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường		≥ 90%	Đạt trên 90%	Đạt trên 90%	Đạt
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn		≥ 2m ² /người	Đạt	Đạt	Đạt
	Tiêu chí số 17 Môi trường và an toàn thực phẩm	17.5. Mai táng, hoả táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: Có vị trí nghĩa trang phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đáp ứng được các quy định trong quy chuẩn kỹ thuật về công trình nghĩa trang; ban hành quy chế quản lý nghĩa trang		Đạt	Toàn xã có 01 nghĩa trang mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: Có vị trí nghĩa trang phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đáp ứng được các quy định trong quy chuẩn kỹ thuật về công trình nghĩa trang; ban hành quy chế quản lý nghĩa trang	Toàn xã có 01 nghĩa trang mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: Có vị trí nghĩa trang phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đáp ứng được các quy định trong quy chuẩn kỹ thuật về công trình nghĩa trang; ban hành quy chế quản lý nghĩa trang	Đạt
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định		≥ 70%	1.404/1.422 hộ, đạt 98,73%	1.404/1.422 hộ, đạt 98,73%	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện	Kết quả thẩm định của Sở, Ban, ngành
17		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	Thu gom bao gói thuốc BVTV được 210kg/210 kg đạt 100%. Chất thải rắn được hệ phân loại tại nguồn có 1.405/1422 hộ, đạt 98,8%	Thu gom bao gói thuốc BVTV được 210kg/210 kg đạt 100%. Chất thải rắn được hệ phân loại tại nguồn có 1.405/1422 hộ, đạt 98,8%	Đạt
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (3)	≥ 70%	Nhà tắm: Có 1.277/1.422 hộ đạt 89,8 %; Nhà tiêu có 1.246/1.422 hộ đạt 87,62 % thiết bị chứa nước SH: 1.377/1.422 hộ đạt 96,83 %.	Nhà tắm: Có 1.277/1.422 hộ đạt 89,8 %; Nhà tiêu có 1.246/1.422 hộ đạt 87,62 % thiết bị chứa nước SH: 1.377/1.422 hộ đạt 96,83 %.	Đạt
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú ý, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥ 60%	367/464 đạt 79,1% hộ chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường	367/464 đạt 79,1% hộ chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường	Đạt
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%	100%	Đạt
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥ 30%	Số hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn 1.405/1.422 hộ đạt 98,8%	Số hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn 1.405/1.422 hộ đạt 98,8%	Đạt
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥ 30%	Chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định 2.540/4.850kg, đạt 52,4%	Chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định 2.540/4.850kg, đạt 52,4%	Đạt
18	Tiêu chí số 18 Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%	100%	100%	Đạt
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện	Kết quả thẩm định của Sở, Ban, ngành
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban phát triển thôn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
19	Tiêu chí số 19 Quốc phòng và an ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc ...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH					Đạt 19/19 tiêu chí	